

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2020/DS-ST

Ngày: 07/05/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhạn.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 593/2019/TLST-DS ngày 03/9/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST-DS ngày 21/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2020/QĐST-DS ngày 16/03/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 271/2020/QĐST-DS ngày 14/04/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1973.

Trú tại: J69, Khu phố 1, Phường B, Thành phố B, Tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976.

Trú tại: J72, Khu phố 1, Phường B, Thành phố B, tỉnh Đ(Giấy Ủy quyền lập tại Ủy ban nhân dân Phường B ngày 11/07/2019).

2.Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trí Minh P (Viết tắt là Công ty TNHH Trí Minh P).

Trụ sở: Số 37 đường Bùi Văn Hòa, Tổ 1, Khu phố 3, Phường T, Thành phố B, Tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quang L-Chức vụ giám đốc.

(Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên bà Nguyễn Thị Kim T có cho Công ty TNHH Trí Minh P có trụ sở tại số 37 đường Bùi Văn Hòa, Tổ 1, Khu phố 3, Phường T, Thành phố B, Tỉnh Đ do ông Võ Quang L là người đại diện theo pháp luật vay các khoản tiền sau:

- Khoản vay thứ nhất: Ngày 03/01/2018 Công ty TNHH Trí Minh P vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 2.700.000.000đ (hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Hai bên có lập hợp đồng vay không dùng tài sản bảo đảm được Văn phòng công

chứng Bình Đa chứng nhận ngày 03/01/2018. Thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày 03/01/2018; Lãi suất cho vay là 2%/tháng. Tiền lãi trả hàng tháng trực tiếp vào tài khoản của bà T vào ngày 03 hàng tháng. Bà T đã giao đủ tiền cho công ty Trí Minh P và công ty Trí Minh P đã trả lãi cho bà T liên tục mỗi tháng là 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) đến ngày 03/11/2018 thì dừng lại không trả lãi nữa. Ngày 03/01/2019 giữa bà T và công ty TNHH Trí Minh P có lập biên bản xác nhận công nợ tính đến ngày 03/01/2019 thì công ty TNHH Trí Minh P còn nợ bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 2.808.000.000đ (hai tỷ tám trăm lẻ tám triệu đồng) bao gồm tiền gốc và 02 tháng tiền lãi. Tuy nhiên từ ngày 03/01/2019 đến nay Công ty TNHH Trí Minh P chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho khoản vay thứ nhất này.

- Khoản vay thứ hai: Ngày 24/04/2018 Công ty TNHH Trí Minh P tiếp tục vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Hai bên có lập hợp đồng vay không dùng tài sản bảo đảm được Văn phòng công chứng Bình Đa chứng nhận ngày 24/04/2018. Thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày 24/04/2018; Lãi suất cho vay là 2%/tháng. Tiền lãi trả hàng tháng trực tiếp vào tài khoản của bà T vào ngày 21 hàng tháng. Bà T đã giao đủ tiền cho công ty Trí Minh P và công ty Trí Minh P đã trả lãi cho bà T liên tục mỗi tháng là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) đến ngày 21/11/2018 thì dừng lại không trả lãi nữa. Ngày 21/01/2019 giữa bà T và công ty TNHH Trí Minh P có lập biên bản xác nhận công nợ tính đến ngày 21/01/2019 thì công ty TNHH Trí Minh P còn nợ bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 832.000.000đ (tám trăm ba mươi hai triệu đồng) bao gồm tiền gốc và 02 tháng tiền lãi. Tuy nhiên từ ngày 21/01/2019 đến nay Công ty TNHH Trí Minh P chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho khoản vay thứ hai này.

-Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim T thay đổi yêu cầu về tính lại mức lãi suất và số tiền lãi nhận dư trừ vào số tiền gốc, cụ thể.

*Đối với khoản vay thứ nhất là 2.700.000.000đ (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên là mức lãi suất 2%/tháng, nay nguyên đơn điều chỉnh lại là mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Cụ thể bà Nguyễn Thị Kim T đã nhận 10 tháng tiền lãi từ Công ty TNHH Trí Minh P với số tiền là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng) nay điều chỉnh lại theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật 20%/năm ($2.700.000.000đ \times 20\%/năm \times 10 \text{ tháng} = 450.000.000đ$), số tiền lãi nhận dư là 90.000.000đ ($540.000.000 - 450.000.000đ$) nguyên đơn đề nghị được trừ vào số tiền gốc ($2.700.000.000đ - 90.000.000đ = 2.610.000.000đ$). Vậy số tiền gốc bị đơn còn nợ lại của khoản vay thứ nhất là 2.610.000.000đ (hai tỷ sáu trăm mười triệu đồng).

* Đối với khoản vay thứ hai là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên là mức lãi suất 2%/tháng, nay nguyên đơn điều chỉnh lại là mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Cụ thể bà Nguyễn Thị Kim T đã nhận 06 tháng tiền lãi từ Công ty TNHH Trí Minh P với số tiền là 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng) nay điều chỉnh lại theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật 20%/năm ($800.000.000đ \times 20\%/năm \times 06$

tháng = 80.000.000đ), số tiền lãi nhận dư là 16.000.000đ (96.000.000 – 80.000.000đ) nguyên đơn đề nghị được trừ vào số tiền gốc (800.000.000đ – 16.000.000đ = 784.000.000đ). Vậy số tiền gốc bị đơn còn nợ lại của khoản vay thứ hai là 784.000.000 (bảy trăm tám mươi tư triệu).

- Về yêu cầu tiền lãi của 02 khoản vay yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Trí Minh P trả lãi 20%/năm, cụ thể:

* Đối với tiền lãi của khoản vay thứ nhất: Tính lãi từ ngày 03/11/2018 đến ngày xét xử (ngày 07/05/2020) làm tròn 18 tháng, cụ thể: 2.610.000.000 x 20%/năm x 18 tháng thành tiền lãi của khoản vay thứ nhất là 783.000.000đ (bảy trăm tám mươi ba triệu đồng).

* Đối với tiền lãi của khoản vay thứ hai: Tính lãi từ ngày 24/11/2018 đến ngày xét xử (ngày 07/05/2020) làm tròn 17 tháng, cụ thể: 784.000.000đ x 20%/năm x 17 tháng thành tiền lãi của khoản vay thứ hai được làm tròn 222.000.000đ (Hai trăm hai mươi hai triệu đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc công ty TNHH Trí Minh P trả tổng số tiền gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị Kim T là 4.399.000.000đ (bốn tỷ ba trăm chín mươi chín triệu đồng).

- Công ty TNHH Trí Minh P đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng tất cả các lần làm việc và tại phiên tòa xét xử đều vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai và trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

Ý kiến của kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn công ty TNHH Trí Minh P vắng mặt tất cả các buổi làm việc không có lý do. Về ý kiến của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án: Thực tế công ty TNHH Trí Minh P có vay của bà Nguyễn Thị Kim T tổng số tiền gốc là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng). Đến nay công ty Trí Minh P chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà T. Tại phiên tòa nguyên đơn có thay đổi yêu cầu là điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm và tự nguyện trừ số tiền lãi đã nhận dư vào số tiền gốc của hai khoản vay, cụ thể:

Số tiền gốc của khoản vay lần thứ nhất còn lại là 2.610.000.000đ (hai tỷ sáu trăm mười triệu đồng) và tiền lãi của khoản vay này tính từ ngày 03/11/2018 đến ngày xét xử (ngày 07/05/2020) làm tròn 18 tháng, cụ thể: (2.610.000.000 x 20%/năm x 18 tháng) thành tiền lãi của khoản vay thứ nhất là 783.000.000đ (bảy trăm tám mươi ba triệu đồng).

Số tiền gốc của khoản vay lần thứ hai còn lại là 784.000.000đ (bảy trăm tám mươi tư triệu đồng) và tiền lãi của khoản vay thứ hai tính từ ngày 24/11/2018 đến ngày xét xử (ngày 07/05/2020) làm tròn 17 tháng, cụ thể: (784.000.000đ x 20%/năm x 17 tháng) thành tiền lãi của khoản vay thứ hai được làm tròn 222.000.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu đồng).

Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân

sự năm 2015 buộc bị đơn công ty TNHH Trí Minh P có nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền gốc và tiền lãi là 4.399.000.000đ (bốn tỷ ba trăm chín mươi chín triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Kim T. Buộc công ty TNHH Trí Minh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim T khởi Công ty TNHH Trí Minh P có địa chỉ số 37 đường Bùi Văn Hòa, Tổ 1, Khu phố 3, Phường T, Thành phố B, Tỉnh Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng tất cả các lần làm việc và tại phiên tòa Công ty TNHH Trí Minh P đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Việc vay mượn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và Công ty TNHH Trí Minh P bao gồm 02 khoản vay với tổng số tiền là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) và được Văn phòng công chứng Bình Đa, tỉnh Đồng Nai xác nhận vào các ngày 03/01/2018 (đối với lần vay thứ nhất với số tiền 2.700.000.000đ) và ngày 24/04/2018 (đối với khoản vay lần thứ 02 với số tiền 800.000.000đ). Do đến hạn thanh toán nợ của hai lần vay nêu trên Công ty TNHH Trí Minh P không trả nợ cho bà T nên giữa bà T và Công ty TNHH có lập biên bản xác nhận công nợ vào ngày 03/01/2019 đối với khoản vay 2.700.000.000đ (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) và biên bản xác nhận công nợ lập ngày 21/01/2019 đối với khoản vay 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu là điều chỉnh lại tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm đối với 02 khoản vay và số tiền lãi bà Nguyễn Thị Kim T đã nhận dư trước đó nguyên đơn tự nguyện trừ vào số tiền gốc cho bị đơn, cụ thể:

* Đối với khoản vay thứ nhất là 2.700.000.000đ (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên là mức lãi suất 2%/tháng, nay nguyên đơn điều chỉnh lại là mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Cụ thể bà Nguyễn Thị Kim T đã nhận 10 tháng tiền lãi từ Công ty TNHH Trí Minh P với số tiền là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng) nay điều chỉnh lại theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật 20%/năm ($2.700.000.000đ \times 20\%/năm \times 10 \text{ tháng} = 540.000.000đ$), số tiền lãi nhận dư là 90.000.000đ ($540.000.000 - 450.000.000đ$) nguyên đơn đề nghị được trừ vào số tiền gốc ($2.700.000.000đ - 90.000.000đ = 2.610.000.000đ$). Vậy số tiền gốc bị đơn còn nợ lại của khoản vay thứ nhất là 2.610.000.000đ (hai tỷ sáu trăm mười triệu đồng).

* Đối với khoản vay thứ hai là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên là mức lãi suất 2%/tháng, nay nguyên đơn điều chỉnh lại là mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Cụ thể bà Nguyễn Thị Kim T đã nhận 06 tháng tiền lãi từ Công ty TNHH Trí Minh P với số tiền là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng) nay điều chỉnh lại theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật 20%/năm ($800.000.000đ \times 20\%/năm \times 06 \text{ tháng} = 80.000.000đ$), số tiền lãi nhận dư là 16.000.000đ ($96.000.000 - 80.000.000đ$) nguyên đơn đề nghị được trừ vào số tiền gốc ($800.000.000đ - 16.000.000đ = 784.000.000đ$). Vậy số tiền gốc bị đơn còn nợ lại của khoản vay thứ hai là 784.000.000 (bảy trăm tám mươi tư triệu).

- Về yêu cầu tiền lãi của 02 khoản vay yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Trí Minh P trả lãi 20%/năm, cụ thể:

* Đối với tiền lãi của khoản vay thứ nhất: Tính lãi từ ngày 03/11/2018 đến ngày xét xử (ngày 07/05/2020) làm tròn 18 tháng, cụ thể: $2.610.000.000 \times 20\%/năm \times 18 \text{ tháng}$ thành tiền lãi của khoản vay thứ nhất là 783.000.000đ (bảy trăm tám mươi ba triệu đồng).

* Đối với tiền lãi của khoản vay thứ hai: Tính lãi từ ngày 24/11/2018 đến ngày xét xử (ngày 07/05/2020) làm tròn 17 tháng, cụ thể: $784.000.000đ \times 20\%/năm \times 17 \text{ tháng}$ thành tiền lãi của khoản vay thứ hai được làm tròn 222.000.000đ (Hai trăm hai mươi hai triệu đồng).

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc điều chỉnh lại tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T buộc Công ty TNHH Trí Minh P có nghĩa vụ trả tổng số tiền gốc của hai khoản vay là 3.394.000.000đ (ba tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi của cả hai khoản vay là 1.005.000.000đ (một tỷ không trăm lẻ năm triệu) cho bà Nguyễn Thị Kim T.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Buộc Công ty TNHH Trí Minh P phải nộp 112.399.000đ (một trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng) [$112.000.000đ + 0,1\%$ (vượt 04 tỷ)].

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.029.000đ (năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000128 ngày 03/8/2019 tại Chi cục thi hành án thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 227 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với Công ty TNHH Trí Minh P.

Buộc công ty TNHH Trí Minh P có nghĩa vụ trả tổng số tiền 4.399.000.000đ (bốn tỷ ba trăm chín mươi chín triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 3.394.000.000đồng (ba tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi là 1.005.000.000đ (một tỷ không trăm lẻ năm triệu) cho bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc Công ty TNHH Trí Minh P phải nộp 112.399.000đ (một trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.029.000đ (năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000128 ngày 03/8/2019 tại Chi cục thi hành án thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày. Người có mặt tính từ ngày tuyên án. Người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. Biên Hòa (02);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP(03).

Nguyễn Triều Châu

